

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CÀ MAU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Ánh Hoa

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y. Sinh năm: 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: số A, Hẻm D đường N, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Hữu D. Sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số đường T, Khu L, khóm F, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Hữu D sống chung với nhau từ năm 2014 chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023, anh D có quan hệ nhiều lần với người phụ nữ khác, nhiều lần tôi bỏ qua nhưng anh D không thay đổi mà có hành vi bạo lực đối với tôi nên tôi không còn sống chung với anh D. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 13/4/2021. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Hữu D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh D đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh **D** vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Duy đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **D** là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Y** và anh **Trần Hữu D** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa chị **Y** cương quyết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy do chị **Y** và anh **D** không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Y** xác định quá trình chung sống chị và anh **D** có 01 người con chung tên **Nguyễn Trần Khánh V**, sinh ngày 13/4/2021, hiện đang sống cùng chị **D**. Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân giữa chị **Y** và anh **D** không được pháp luật công nhận, nhưng anh, chị vẫn có quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị **Y** yêu cầu được trực tiếp nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh **D**. Xét thấy cháu **V** đang do chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh **D** không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nên việc giao con cho chị **Y** tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị **Y** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Anh **D** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị **Y** xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị **Y** xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Hữu D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu tên Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 13/4/2021 cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đồng. Ngày 22/02/2024 chị Y đã nộp tạm ứng 300.000đồng tại lai số 0008104 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu ngân sách nhà nước.

Chị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng X